

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2023/DS-ST**
Ngày: 12-5-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh Thi
2. Bà Hồ Thị Hồng Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thuý - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-DS ngày 14/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST - DS ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Chương Văn L, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp K2 A, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp 2 A, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Chương Văn L trình bày: Vào ngày 10/4/2022 ông có cho ông Nguyễn Văn U vay số tiền là 20.000.000 đồng, có làm biên nhận nợ vay, thời hạn vay là 01 tháng trả lại, theo biên nhận không có thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế ông có nhận tiền lãi của ông U đóng số tiền 4.000.000 đồng, số tiền nợ gốc đến nay ông U vẫn chưa thanh toán. Tại đơn khởi kiện yêu cầu ông U phải trả nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất

là 4.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông L xác định yêu cầu trả số tiền vay nợ gốc là 20.000.000 đồng, thống nhất rút yêu cầu lãi suất, không yêu cầu ông U trả lãi suất.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, không có ý kiến phản đối trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Kết quả thu thập chứng cứ: Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung gồm: 01 biên nhận mượn tiền của ông Nguyễn Văn U ngày mùng 10/4/2022, bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông U.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông U trả cho ông L số tiền vay nợ gốc là 20.000.000 đồng. Đối với yêu cầu lãi suất số tiền là 4.000.000 đồng do rút lại yêu cầu nên đề nghị đình chỉ đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Nguyễn Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông U.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay là 20.000.000 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] *Về thẩm quyền:* Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mà bị đơn ông U có nơi cư trú trên địa bàn huyện Vĩnh Thuận nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án ông L yêu cầu ông U trả số tiền vay nợ gốc là 20.000.000 đồng, Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có thông

báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn ông U không có ý kiến phản hồi hay phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Quá trình khởi kiện ông L cung cấp chứng cứ là 01 biên nhận mượn tiền nợ của ông Nguyễn Văn U ngày mừng 10/4/2022 thể hiện sự xác nhận của ông Nguyễn Văn U sinh năm 1988 mượn tiền ông L số tiền 20.000.000 đồng, hứa trong vòng 01 tháng trả lại ông L đúng như lời trình bày của ông L. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền thì ông U không có trả nợ gốc cho ông L. Việc ông U không thực hiện trả nợ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông L khởi kiện yêu cầu ông U trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 463 (*quy định về hợp đồng vay tài sản*), Điều 466 (*quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay*) của Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông U trả số tiền nợ gốc còn thiếu là 20.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông U không trả số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

Đối với số tiền ông L đã nhận của ông U bằng 4.000.000 đồng theo ông L trình bày là ông U đóng tiền lãi trên số nợ gốc. Xét thấy, khoản nợ vay tính đến nay đã hơn 01 năm, tiền lãi tính theo quy định pháp luật trên số nợ gốc cũng tương ứng với phần lãi ông L đã nhận của ông U trước đó nên Hội đồng xét xử không cần thiết phải khấu trừ số tiền lãi vào số tiền nợ gốc. Tại phiên toà, ông L rút toàn bộ yêu cầu lãi suất, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 (*xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu*) của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông L về lãi suất số tiền 4.000.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tại phiên toà là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tiền án phí là: 20.000.000 đồng x 5 % = 1.000.000 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông U phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ Luật dân sự; Điều 6, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chương Văn L về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản với bị đơn ông Nguyễn Văn U. Buộc ông U trả cho ông L số tiền vay nợ gốc 20.000.000 đồng.

Kể từ khi ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông U không trả đủ số tiền trên thì còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu lãi suất số tiền 4.000.000 đồng của ông L do đã rút yêu cầu.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.000.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Chương Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003990 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn ông L có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông U vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng